BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	118.399.614.885	260.705.149.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	90.268.318	15.988.181
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	118.309.346.567	260.689.161.723
4. Giá vốn hàng bán	11	23	109.457.980.593	223.790.136.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**8.851.365.974**	**36.899.025.085**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	36.370.837	76.487.251
7. Chi phí tài chính	22	25	2.967.066.103	5.687.729.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*2.967.066.103*	*5.687.729.579*
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.713.166.988	8.621.670.007
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.207.503.720**	**22.666.112.750**
11. Thu nhập khác	31	26	196.537.145	3.302.092.184
12. Chi phí khác	32	27	24.593.065	3.644.532.746
13. Lợi nhuận khác	**40**		**171.944.080**	**(342.440.562)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**28**	**1.379.447.800**	**22.323.672.188**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	375.010.216	4.217.328.124
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**	**28**	**1.004.437.584**	**18.106.344.064**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	274	4.939

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Huỳnh Phước Huyền Vy	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn Thị Thảo

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2013